

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
Khai thác đất làm vật liệu san lấp, diện tích 6,23 ha, tại núi Chà Rây,
xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Minh Hiếu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp, diện tích 6,23 ha, tại núi Chà Rây, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Minh Hiếu tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM ngày 14/10/2021;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp, diện tích 6,23 ha, tại núi Chà Rây, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 35/CV-MH ngày 06/12/2021 của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Minh Hiếu;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1056/TTr-STNMT ngày 20/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp, diện tích 6,23 ha (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Minh Hiếu (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Chà Rây, xã

Nhon Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Minh Hiếu

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại UBND xã Nhơn Tân theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

4. Trường hợp Dự án triển khai sau thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Minh Hiếu phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Giao UBND thị xã An Nhơn, UBND xã Nhơn Tân phối hợp giám sát hoạt động khai thác và thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Minh Hiếu đúng theo các cam kết trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Tân;
- Công ty TNHH XDTH Minh Hiếu;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP, DIỆN TÍCH 6,23 HA, TẠI
NÚI CHÀ RÂY, XÃ NHƠN TÂN, THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH
CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH HIẾU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp, diện tích 6,23 ha, tại núi Chà Rây, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Minh Hiếu.

1.3. Địa chỉ liên hệ: Lô D1 Cụm công nghiệp, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0256.3736528.

1.4. Mục đích khai thác: phục vụ thi công dự án Khu dân cư số 2 phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Nhơn Bình và dự án Mở rộng mặt đường ĐT.631 (đoạn từ ngã 3 Bàu Sáo, phường Nhơn Hưng đến chợ Quán Mới, xã Nhơn Hạnh) theo Văn bản số 7641/UBND-KT ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương và gia hạn thời gian lập hồ sơ khai thác mỏ đất núi Chà Rây, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn.

1.5. Quy mô, công suất khai thác

- Diện tích dự án: 6,23 ha.

- Thời gian khai thác: 02 năm (thực hiện khai thác theo tiến độ thi công công trình).

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h30 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h30 hàng ngày).

- Tổng trữ lượng được phép khai thác: 372.227 m³ đất địa chất (gồm 363.563 m³ đất san lấp và 8.664 m³ đất tầng phủ để phục hồi môi trường).

1.6. Phương pháp khai thác: Mở vỉa khai thác từ phía Đông Bắc mỏ (gần điểm góc số 2); khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới với chiều sâu khai thác trung bình từ 5,05 m đến 5,68 m. Kết thúc khai thác, địa hình khu mỏ thoải dần từ cao độ +55m đến +30m. Sử dụng 02 máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo quy định của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.7. Các hạng mục công trình chính của Dự án

- Công trình bảo vệ môi trường: 02 hồ lắng 02 ngăn; hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.

- Tuyến đường từ đường dân sinh hiện trạng vào mỏ: đường cấp phối đá dăm (kích thước: dài 540 m x rộng 6 m).
- Tuyến đường tạm trong mỏ, kích thước: dài 250 m x rộng 6 m.
- Mương rửa bánh xe chở đất trước khi ra đường dân sinh hiện trạng.
- Bãi lưu chứa đất tầng phủ phía Tây (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 2.106 m².
- Khu vực phụ trợ diện tích khoảng 1.250 m² (nằm trong khu vực mỏ) để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động và bãi tập kết xe.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Các tác động liên quan đến chất thải: bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ; nước mưa chảy tràn (lẫn bùn đất).
- Các tác động không liên quan đến chất thải: hoạt động vận chuyển đất có thể gây nguy cơ hư hỏng tuyến đường đường dân sinh hiện trạng, mất an toàn giao thông.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 1,68 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.
- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 20.313 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 12 ha).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến công trình.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh trung bình khoảng 12,6 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.
- Bùn đất phát sinh từ quá trình nạo vét hồ lắng, hệ thống mương thu gom, thoát nước và mương rửa bánh xe.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải rắn phát sinh từ hoạt động khai thác

Đất bóc tầng phủ phát sinh trong quá trình khai thác khoảng 8.664 m³.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực mỏ

- Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng 10 kg/năm.
- Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng 01 kg/năm.

2.7. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động.

b) Xử lý nước mưa chảy tràn

- Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ, tổng chiều dài khoảng 720 m (kích thước: rộng 2 m x sâu 1 m); mương dẫn nước từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận, tổng chiều dài khoảng 140 m (kích thước: rộng 2 m x sâu 1 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- 02 hồ lắng nước mưa chảy tràn, kết cấu là hồ lắng 02 ngăn, được gia cố đảm bảo. Nước mưa chảy tràn sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 0,9$).

+ Hồ lắng phía Tây Bắc mỏ (tọa độ: 1.534.262; 582.511), thể tích khoảng 1.587 m³ (kích thước: diện tích 529 m² x sâu 3 m).

+ Hồ lắng phía Tây Nam mỏ (tọa độ: 1.533.948; 582.437), thể tích khoảng 1.587 m³ (kích thước: diện tích 529 m² x sâu 3 m).

- Quy trình thu gom, xử lý

+ Nước mưa chảy tràn phía Bắc mỏ → mương thu gom → hồ lắng phía Tây Bắc → mương thoát nước (dài khoảng 70 m) → mương thoát nước hiện trạng phía Tây Bắc.

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam mỏ → mương thu gom → hồ lắng phía Tây Nam → mương thoát nước (dài khoảng 70 m) → mương thoát nước hiện trạng phía Tây Nam.

3.2. Về xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ Dự án đến công trình (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để đất rơi vãi.

- Tạo mương vệ sinh bánh xe trước khi ra đường dân sinh hiện trạng (kích thước: dài 4 m x rộng 3 m x sâu 0,5 m), thường xuyên nạo vét và bổ sung thêm nước mới để đảm bảo hiệu quả xử lý; vệ sinh tuyến đường vận chuyển từ mỏ đến công trình.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực phụ trợ để thu gom và xử lý theo quy định.

- Thu gom lượng bùn đất phát sinh từ quá trình nạo vét hồ lắng và hệ thống mương thu gom, thoát nước, mương rửa bánh xe; lưu chứa đảm bảo.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý lượng đất tầng phủ phát sinh trong quá trình khai thác

Bố trí bãi lưu chứa đất tầng phủ phía Tây khu mỏ (diện tích khoảng 2.106 m², được kè chắn đảm bảo) để san lấp mặt bằng Dự án sau khi kết thúc khai thác hàng năm.

3.5. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại có dán nhãn và thực hiện lưu chứa theo quy định; hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu phát quang rừng đến đó; thường xuyên nạo vét hồ lắng, mương thoát nước mưa đảm bảo không gây sa bồi ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực.

- Bố trí công nhân làm nhiệm vụ điều tiết giao thông tại điểm giao nhau giữa tuyến đường dân sinh hiện trạng với Quốc lộ 19.

3.7. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau

TT	Tên công trình	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	04 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi khai thác
2.	San gạt mặt bằng mỏ	10.484 m ³	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Tây thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Triển khai và hoàn thành sau 20 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
3.	San lấp mương thoát nước và hồ lắng	5.603 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu	Thực hiện sau khi trồng cây được 03 năm
4.	Tháo dỡ kè chắn bãi lưu chứa tạm	95,1 m ³		Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
5.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	40 m ²		
6.	Tháo dỡ đường tạm từ đường dân sinh hiện trạng đến ranh giới mỏ	1.920 m ³		
7.	Tháo dỡ cống	03 cái		
8.	Trồng rừng keo lai	6,23 ha	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng hàng năm
9.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	6,23 ha	Giám sát độ sâu khai thác	

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: **1.151.612.000 đồng**
(*Một tỷ một trăm năm mươi một triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng*).

+ Lần 1, số tiền: 287.903.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Lần 2, số tiền: 863.709.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- 02 hồ lắng 02 ngăn; hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa; bãi lưu chứa tạm.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

5.1. Giám sát nước thải tại đầu ra mỗi hồ lắng với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 0,9$); tần suất giám sát: 03 tháng/lần (vào mùa mưa).

5.2. Giám sát không khí xung quanh: thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) 01 điểm tại xưởng sản xuất bàn ghế nhựa giả mây phía Tây Nam dự án và 01 điểm tại nhà dân phía Nam trên Quốc lộ 19 đầu tuyến đường vào dự án; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.4. Giám sát sự cố sạt lở, sa bồi xuống khu vực hạ lưu Dự án.